

MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THÀNH LẬP VÀ ƯU ĐÃI TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

■ PGS.TS. NGUYỄN THỊ VÂN ANH*

Đặt vấn đề

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia. Ở Việt Nam, cụm từ “đổi mới sáng tạo” chính thức được ghi nhận trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Theo đó, đổi mới sáng tạo được xác định là một trong ba đột phá chiến lược quan trọng để đưa đất nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI. Đổi mới sáng tạo được coi như một động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước tác động đến nhiều chủ thể trong mọi hoạt động của nền kinh tế đất nước, đặc biệt là các chủ thể kinh doanh¹.

Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, tạo cơ sở pháp lý cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo để thích ứng với những biến động của thị trường và sự phát triển của công nghệ,

các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo đã dần hình thành và ngày càng được hoàn thiện. Có thể chia các quy định, chính sách này thành các nhóm sau:

(i) Các quy định liên quan trực tiếp đến các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo như: Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến 2025” (Quyết định số 844/QĐ-TTg); Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định các chính sách hỗ trợ đặc thù cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh

* Trường Đại học Luật Hà Nội

1. Phan Thị Cẩm Lai, “Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở Việt Nam”, Tạp chí quản lý nhà nước, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/13/doi-moi-sang-tao-trong-doanh-nghiep-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>, truy cập ngày 30/12/2024.

ng nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Nghị định số 38/2018/NĐ-CP); Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Nghị định số 94/2020/NĐ-CP ngày 21/8/2020 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (Nghị định số 94/2020/NĐ-CP); Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 80/2021/NĐ-CP).

(ii) Nhóm các văn bản có liên quan đến phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo như: Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 là văn bản pháp lý đặt nền tảng cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống; Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật Doanh nghiệp năm 2020 tạo khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp

khởi nghiệp sáng tạo; Luật Đầu tư năm 2020 quy định các ưu đãi đầu tư cho dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; Luật số 03/2022/QH15 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, trong đó, đã sửa đổi một số điều của Luật Đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Như vậy, hiện nay, ở Việt Nam đã hình thành khung pháp lý tạo nền tảng thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và bảo đảm phát triển bền vững nền kinh tế. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy các quy định của pháp luật hiện hành đã bộc lộ một số hạn chế ảnh hưởng nhất định đến việc phát triển của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo cũng như sự phát triển khoa học, công nghệ của đất nước.

Bài viết tập trung phân tích những hạn chế trong quy định của pháp luật hiện hành về thành lập doanh nghiệp và ưu đãi tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

1. Một số hạn chế trong quy định pháp luật về thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Thành lập doanh nghiệp là bước khởi

đầu và rất quan trọng để thực hiện các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề pháp luật không cấm”. Quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp được ghi nhận cụ thể hơn trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, trong đó, quyền tự do thành lập doanh nghiệp là nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, là tiền đề để thực hiện các quyền khác thuộc nội hàm của quyền tự do kinh doanh.

Các quy định về quyền tự do thành lập doanh nghiệp nhìn chung đã bảo đảm cho tổ chức, cá nhân thực hiện các quyền của mình để ra đời doanh nghiệp hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, việc thành lập doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gặp không ít khó khăn bởi một số hạn chế sau của pháp luật hiện hành:

Thứ nhất, hiện chưa có tiêu chí rõ ràng xác định một doanh nghiệp là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Ở Việt Nam, khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được đề cập lần đầu tại Quyết định số 844/QĐ-TTg. Theo đó, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là “loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới”. Kế thừa khái

niệm này, tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 đã đưa ra định nghĩa về doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp “được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh”. Nghị định số 94/2020/NĐ-CP cũng xác định: doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh. Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cũng giải thích khái niệm “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” tại khoản 1 Điều 3 giống như quy định tại Nghị định 94/2020/NĐ-CP. Theo đó, “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh².

Như vậy, hiện nay, khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa được quy định một cách chính thức trong văn bản luật mà mới được ghi nhận trong văn bản dưới luật. Mặt khác, khái niệm này được

2. Viện Nghiên cứu lập pháp, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ, mã số 2021 - 14ĐTCB: “*Hoàn thiện pháp luật đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”, tr. 93 - 94.

hiệu trong ngữ cảnh của mỗi văn bản dưới luật đó nên có tính ổn định không cao. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật hiện hành thì doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có các đặc điểm chung của doanh nghiệp như: (i) được thành lập hoặc đăng ký thành lập nhằm mục đích kinh doanh kiếm lợi nhuận; (ii) là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch và có những đặc điểm riêng, đó là: thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; (iii) có khả năng tăng trưởng nhanh. Những đặc trưng riêng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng mới được quy định chung chung, chưa có tiêu chí cụ thể để dễ dàng xác định một doanh nghiệp như thế nào là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP chỉ quy định về tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo làm căn cứ để được hưởng các ưu đãi hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được xác định theo một trong các tiêu chí: (i) sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, phần mềm máy tính, ứng dụng trên điện thoại di động, điện toán đám mây, giống vật nuôi mới, giống cây trồng mới, giống thủy sản mới, giống cây

lâm nghiệp mới; (ii) sản xuất, kinh doanh sản phẩm được tạo ra từ các dự án sản xuất thử nghiệm, sản phẩm mẫu và hoàn thiện công nghệ; sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, quốc tế và các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ; (iii) có giải pháp công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có khả năng tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% trong 02 năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển của sản phẩm, dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Việc không có các tiêu chí cụ thể xác định doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo gây khó khăn cho những doanh nghiệp này trong quá trình thành lập, kinh doanh để nắm bắt, sử dụng có hiệu quả những cơ chế, hỗ trợ mà Nhà nước dành cho.

Thứ hai, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường hoạt động trong những ngành nghề liên quan đến công nghệ, trí tuệ nhân tạo hoặc các mô hình kinh doanh mới như mô hình kinh tế chia sẻ, đó là những ngành nghề chưa được quy định trong danh mục ngành kinh tế cấp bốn trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban

hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nên sẽ gặp khó khăn khi đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp phải lựa chọn ngành nghề kinh doanh cấp bốn trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp. Đối với những ngành nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời, thông báo cho Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Cục Thống kê thuộc Bộ Tài chính) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

Do đó, thực tế áp dụng quy định này gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt, mất nhiều thời gian làm thủ tục thành lập doanh nghiệp khi kinh doanh trong ngành nghề không có trong danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Nếu ngành nghề kinh doanh không nằm trong danh mục, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể từ chối hoặc yêu cầu bổ sung

thông tin để xác định mã ngành tương tự. Ví dụ: trong lĩnh vực công nghệ thông tin và phần mềm, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường kinh doanh ngành, nghề như phát triển phần mềm ứng dụng di động; thiết kế, phát triển trang web và thương mại điện tử; an ninh mạng và bảo mật thông tin. Những ngành nghề này sẽ được đề nghị tham khảo mã 6201: lập trình máy tính; 6202: tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

- Một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện như trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) yêu cầu phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh lĩnh vực đó. Bởi vậy, nếu ngành nghề không có trong danh mục, cơ quan cấp phép có thể không biết căn cứ vào đâu để xét duyệt, làm cho việc thành lập doanh nghiệp trở nên phức tạp và bị kéo dài thời gian để bắt đầu hoạt động. Do đó, doanh nghiệp dự định kinh doanh trong những lĩnh vực mới, sử dụng công nghệ mới, ý tưởng mới có thể bị mất cơ hội kinh doanh.

- Các tổ chức tài chính hoặc đối tác kinh doanh khi muốn hợp tác với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin về ngành, nghề kinh doanh của mình một cách rõ ràng. Nếu ngành nghề chưa được công nhận, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc vay vốn, ký hợp đồng hoặc hợp tác kinh doanh với các chủ thể này.

Thứ ba, việc góp vốn bằng tài sản trí tuệ vào doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng còn tồn tại một số bất cập.

Theo quy định pháp luật hiện hành, một trong những đặc điểm quan trọng của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Trong nhiều trường hợp, các khái niệm về tài sản trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu trí tuệ được sử dụng với cùng một nghĩa. Bởi vậy, trong các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thành viên dùng tài sản trí tuệ để góp vốn sẽ ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt, trong các lĩnh vực như công nghệ, y tế, giáo dục và trí tuệ nhân tạo. Đây là một xu hướng phù hợp với bản chất của các doanh nghiệp khởi nghiệp, nơi giá trị cốt lõi nằm ở ý tưởng, công nghệ hoặc giải pháp độc quyền thay vì tài sản hữu hình.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các loại tài sản có thể dùng để góp vốn vào doanh nghiệp (cả góp vốn để thành lập và góp tăng thêm vốn điều lệ), gồm: đồng Việt Nam; ngoại tệ tự do chuyển đổi; vàng; quyền sử dụng đất; quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam.

Theo khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ

năm 2005, sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019, 2022 (Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005) thì tài sản trí tuệ hay quyền sở hữu trí tuệ gồm: quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích thiết kế, bố trí...; quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ). Bởi vậy, trong một doanh nghiệp, tài sản vô hình có thể dùng để góp vốn gồm nhiều loại như: dữ liệu, thông tin, tri thức, bí quyết, công nghệ, quy chế tổ chức, quy trình sản xuất/kinh doanh/tác nghiệp, các sáng kiến đổi mới, bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

Theo quy định pháp luật hiện hành, việc sử dụng các tài sản vô hình để góp vốn vào doanh nghiệp cần thỏa mãn các điều kiện: (i) chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền sở hữu trí tuệ mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn; (ii) tài sản góp vốn phải được định giá bởi các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá và được thể hiện thành đồng Việt Nam (khoản 1 Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Pháp luật Việt Nam hiện chưa có quy

định thống nhất về cách thức định giá tài sản trí tuệ. Do không xác định rõ cách thức định giá tài sản góp vốn đối với tài sản trí tuệ nên có nhiều khả năng gây ra sự sai sót trong việc định giá, hậu quả là rất có thể phạm phải “điều cấm” của pháp luật doanh nghiệp về định giá không tài sản góp vốn. Điều đó, dẫn đến tranh chấp trong việc xác định trách nhiệm của các chủ thể có thẩm quyền định giá những tài sản góp vốn này theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Mặt khác, việc giao nhận tài sản trí tuệ khi góp vốn khó có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản”. Đối với tài sản trí tuệ, có một số loại tài sản không yêu cầu bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu như tên thương mại, nhãn hiệu hay bí mật kinh doanh. Do vậy, theo điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc góp vốn bằng quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng các đối tượng này phải được thực hiện theo thủ tục giao nhận tài sản và có xác nhận bằng biên bản là không

thể thực hiện được³. Bởi, tài sản trí tuệ là tài sản vô hình nên việc giao và nhận loại tài sản này không thể thực hiện như đối với tài sản hữu hình.

Có thể thấy, việc thực hiện góp vốn điều lệ công ty bằng tài sản trí tuệ/tài sản vô hình là hoàn toàn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nhưng để ghi nhận được việc tăng/góp vốn bằng tài sản trí tuệ, ngoài các thủ tục nội bộ mà doanh nghiệp phải tự thực hiện như định giá tài sản góp vốn, chuyển giao quyền sở hữu thì doanh nghiệp còn phải trải qua một thủ tục hành chính là đăng ký việc tăng/góp vốn với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mà trong trường hợp này là Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký thành lập/tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, hầu như các Sở Kế hoạch và Đầu tư có chung quan điểm trong việc sử dụng các đối tượng là bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ, phương án, quy trình... mà không có văn bằng bảo hộ để góp vốn vào doanh nghiệp sẽ bị xem là không đủ điều kiện là tài sản góp vốn⁴. Việc áp dụng pháp luật như vậy của cơ quan đăng ký kinh doanh là không đúng theo quy định tại Điều 36

3. Lương Mỹ Linh, “*Vướng mắc về góp vốn bằng tài sản trí tuệ để thành lập doanh nghiệp và kiến nghị hoàn thiện*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 384, kỳ 1 tháng 7/2023.

4. “*Quy định và vướng mắc ở Việt Nam về góp vốn bằng tài sản trí tuệ*”, <https://luatsugioi.com/quy-dinh-va-vuong-mac-o-viet-nam-ve-gop-von-bang-tai-san-tri-tue-2919-3.html>, truy cập ngày 30/12/2024.

Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Một số hạn chế trong quy định pháp luật về ưu đãi tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo rất cần được hưởng các ưu đãi từ Nhà nước. Theo quy định pháp luật hiện hành, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thể được hưởng ưu đãi thuế, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp; được vay vốn từ các quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ; vay vốn từ quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa với lãi suất ưu đãi nhưng thực tế để được hưởng những ưu đãi này không dễ dàng.

Theo khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 thì: “Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”. Như vậy, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 có quy định nguyên tắc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo nhưng pháp luật hiện chưa quy định cụ thể ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp dành riêng cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng như chưa có quy định ưu đãi thuế thu nhập

doanh nghiệp đối với các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Vì vậy, trên thực tế, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải áp dụng theo những ưu đãi của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo ngành nghề kinh doanh, doanh thu cũng như địa bàn hoạt động mà chưa được hưởng thuế suất ưu đãi theo tinh thần của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 18 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định: nhà đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn đối với thu nhập từ khoản đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp chưa cụ thể hóa quy định này nên các nhà đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chưa được hưởng lợi ích trên thực tế theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Ngoài ra, quy định này chỉ đề cập việc miễn, giảm đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, tức là ưu đãi này chỉ dành cho các nhà đầu tư là tổ chức, doanh nghiệp. Các nhà đầu tư cá nhân thường chiếm phần lớn trong việc đầu tư các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng

tạo nhưng sẽ không được hưởng các ưu đãi này. Điều đó sẽ không khuyến khích các nhà đầu tư cá nhân đầu tư phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

Trong thực tế, việc tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là rất khó khăn. Điều 16 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 34/2018/NĐ-CP) quy định: các đối tượng được bảo lãnh tín dụng quy định tại Điều 15 Nghị định này chỉ được Quỹ bảo lãnh tín dụng xem xét cấp bảo lãnh khi đáp ứng đủ các điều kiện: (i) có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay; (ii) dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ bảo lãnh tín dụng thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định; (iii) có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm Quỹ bảo lãnh tín dụng thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh; (iv) tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật Quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng; trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của

cơ quan quản lý thuế trực tiếp; (v) có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 25 Nghị định này. Như vậy, những yêu cầu để doanh nghiệp được cấp tín dụng từ quỹ này là rất cao, không phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là không có tài sản bảo đảm, nguồn vốn tự có rất ít nên khó đáp ứng tỷ lệ tối thiểu theo quy định, không có lịch sử tài chính để đánh giá mức độ tin cậy, phương án bảo đảm tiền vay không chắc chắn, tính rủi ro cao. Vì vậy, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo rất khó vay vốn từ Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về hoạt động trên thực tế của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ: “Hoàn thiện pháp luật đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” do Viện Nghiên cứu lập pháp thực hiện năm 2023 chỉ rõ: “thực tế cho thấy vai trò của các Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa rất mờ nhạt. Trên thực tế, số lượng Quỹ bảo lãnh tín dụng đang giảm dần qua từng năm. Ra đời từ năm 2001, đến cuối năm 2019, cả nước có 28 tỉnh, thành phố có Quỹ bảo lãnh tín dụng, tổng nguồn vốn là 1.450,6 tỷ đồng (gần 90% là vốn Nhà nước). Tuy nhiên, đến năm 2021 trên cả nước chỉ còn 25 quỹ, giảm 03 quỹ so với năm 2019. Số vốn được cấp không đủ so

với quy định, mới chỉ có 10 quỹ có vốn điều lệ tối thiểu đạt 100 tỷ đồng, số còn lại có vốn điều lệ chỉ từ 04 - 80 tỷ đồng, riêng Quỹ bảo lãnh tín dụng Đồng Nai có vốn điều lệ thấp nhất là 04 tỷ đồng. Hầu hết các Quỹ bảo lãnh tín dụng không hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng⁵.

Theo Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 39/2019/NĐ-CP), hoạt động cho vay mới chỉ được thực hiện qua hình thức gián tiếp, chưa có cơ chế cho vay trực tiếp hoặc hỗ trợ vốn. Do nguyên tắc hoạt động của quỹ là bảo đảm bảo toàn vốn, quy trình thủ tục thẩm định cho vay phức tạp, chi phí thẩm định cao, điều kiện vay vốn hết sức khó khăn nên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cũng không dễ dàng tiếp cận nguồn vốn từ quỹ này⁶.

Để thúc đẩy việc hình thành và phát triển của các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2018/NĐ-CP. Nghị định này không chỉ tạo khung pháp lý cho việc ra đời và hoạt động của Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện đầu tư khởi nghiệp sáng tạo) mà còn có vai

trò quan trọng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam giúp kết nối nhà đầu tư và doanh nghiệp để phát triển kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, thực tế tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đang gặp những khó khăn do những rào cản về pháp lý như quy định Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo không có tư cách pháp nhân; có số lượng tối đa 30 thành viên là các nhà đầu tư cá nhân; chỉ được huy động vốn bằng đồng Việt Nam và các tài sản được định giá bằng đồng Việt Nam, không được góp vốn bằng ngoại tệ; phải đăng ký danh mục đầu tư; chính sách ưu đãi về thuế cho nhà đầu tư, hạch toán kế toán chưa được quy định cụ thể; nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện các thủ tục hành chính phức tạp và mất nhiều thời gian để đầu tư gián tiếp vào quỹ; hoạt động của quỹ còn bó hẹp, nhất là chưa quy định Quỹ được cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo vay tiền... Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến việc phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam.

3. Giải pháp khắc phục những hạn chế trong quy định pháp luật về thành lập và ưu đãi tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

Có thể thấy, hiện nay, quy định pháp

5. Viện Nghiên cứu lập pháp, *tlđđ*, tr. 116.

6. Viện Nghiên cứu lập pháp, *tlđđ*, tr. 118.

luật về một số quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp liên quan đến đổi mới sáng tạo còn tồn tại bất cập cần hoàn thiện để tạo môi trường pháp lý thuận lợi và công bằng, thúc đẩy sự phát triển và bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp. Để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hiện nay, dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Luật Công nghiệp công nghệ số đang được chỉnh sửa, hoàn thiện (dự kiến trình Quốc hội thông qua vào tháng 5/2025), trước mắt, cần rà soát các luật có liên quan như Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Luật Doanh nghiệp năm 2020... để bảo đảm xác định rõ khái niệm, tiêu chí doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cũng như việc góp vốn bằng tài sản trí tuệ, các ưu đãi tài chính... bảo đảm một nội dung sẽ được quy định cụ thể, rõ ràng trong một văn bản pháp luật tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

Thứ hai, cần sửa đổi một số quy định của Nghị định số 34/2018/NĐ-CP; Nghị định số 39/2019/NĐ-CP; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP theo hướng quy định đơn giản các điều kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thể tiếp cận với các nguồn vốn và những ưu đãi từ các quỹ này để khắc phục khó khăn về vốn phát triển hoạt động kinh doanh.

Kết luận

Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và quy định pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành còn nhiều hạn chế cần khắc phục đặc biệt là về thủ tục thành lập, huy động vốn và ưu đãi tài chính. Do đó, thời gian tới, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thực hiện một số giải pháp hoàn thiện pháp luật để thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thị Cẩm Lai, “*Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp ở Việt Nam*”, Tạp chí Quản lý nhà nước.
2. Viện Nghiên cứu lập pháp, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ, mã số 2021 - 14ĐTCB: “*Hoàn thiện pháp luật đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*”.
3. Lương Mỹ Linh, “*Vướng mắc về góp vốn bằng tài sản trí tuệ để thành lập doanh nghiệp và kiến nghị hoàn thiện*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.
4. “*Quy định và vướng mắc ở Việt Nam về góp vốn bằng tài sản trí tuệ*”, <https://luatsugioi.com/quy-dinh-va-vuong-mac-o-viet-nam-ve-gop-von-bang-tai-san-tri-tue-2919-3.html>, truy cập ngày 30/12/2024.